

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-PT

Ngày: 24/4/2020

V/v “Tranh chấp di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Sỹ Tiến.

Các thẩm phán:

Ông Trần Quốc Sơn,

Ông Hoàng Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2020 /TLPT-DS, ngày 19 tháng 02 năm 2020, về “Tranh chấp di sản thừa kế”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 40/2019/DSST-ST, ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Bà Ông Thị Kim L, sinh năm 1959,

Địa chỉ: Xóm NL, xã H, thành phố V, Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ông Thị Kim L: Bà Ông Thị Kim A, sinh năm 1971. Giấy ủy quyền ngày 23 tháng 3 năm 2020. (Bà Liên, bà A có mặt).

- Bị đơn: Ông Ông Văn H, sinh năm 1962,

Địa chỉ: Xóm NL, xã H, thành phố V, Nghệ An.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Ông Văn H:

Luật sư Trần Văn L, Văn phòng luật sư T - thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: NT, Thành phố V, tỉnh Nghệ An. (Ông H, ông L có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ông Văn T, sinh năm 1969,

Địa chỉ: xóm NL, xã H, thành phố V, Nghệ An. (Có mặt)

Người đại diện theo Pháp luật của ông Ông Văn T : chị Ông Thị Cẩm T – sinh năm 1996 (con gái ông Tuấn),

Trú tại: Khối Đ, phường HD, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

(Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ông Văn T : bà Ông Thị Kim A , Giấy ủy quyền ngày 23 ngày 3 ngày 2020. (Ông T và người đại diện có mặt).

2. Ông Ông Văn Th , sinh năm 1964,

Địa chỉ: Xóm NL, xã H, thành phố V, Nghệ An. (Có mặt)

3. Ông Ông Văn L , sinh năm 1968,

Địa chỉ: Xóm NL, xã H, thành phố V, Nghệ An. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ông Văn L: Bà Ông Thị Kim A , sinh năm 1971. Giấy ủy quyền ngày 23 ngày 3 ngày 2020, (Có mặt)

4. Bà Ông Thị Kim A , sinh năm 1971,

Địa chỉ: Xóm 11, xã H, thành phố V, Nghệ An. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An thì vụ án có nội dung như sau:

Cha mẹ của bà Ông Thị Kim A là ông Đ chết năm 1998 và bà Nguyễn Thị H chết năm 2008. Ông Đ và bà H có 6 người con gồm bà Ông Thị Kim L, ông Ông Văn H, ông Ông Văn Th, ông Ông Văn L, ông Ông Văn T và bà Ông Thị Kim A.

Khi ông Đ và bà H chết không để lại di chúc nhưng để lại di sản là thửa đất số 267 tờ bản đồ số 19, diện tích 195,9 m² tại xã H, thành phố V, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 479515, ngày 17/11/2006, mang tên Nguyễn Thị H. Sau khi ông Đ, bà H chết, ông Ông Văn L và ông Ông Văn T là người quản lý thửa đất này.

Năm 2019, các đồng thừa kế họp bàn để phân chia di sản thừa kế là thửa đất nói trên, tuy nhiên đã không thỏa thuận phân chia được với nhau. Chính vì không tự phân chia được cho nên bà Ông Thị Kim L khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của cha mẹ bà để lại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền đề nghị Tòa án chia thửa đất thành 2 thửa như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/10/2019, thửa đất có diện tích 61,9 m² (Hiện ông Ông Văn L đang sử dụng), trước đây các đồng thừa kế đã thỏa thuận miệng với nhau cho ông Ông Văn L xây dựng nhà trên diện tích 61,9 m² của đất. Nay các đồng thừa kế thỏa thuận tiếp tục giao cho ông L được sử dụng định đoạt. Ông L có nghĩa vụ trích phần chênh lệch giá trị cho các thừa kế khác. Việc giao quyền sử dụng đất 61,9 m² cho ông Ông Văn L được sử dụng định đoạt để bảo đảm về mặt kết cấu ngôi nhà do ông L xây. Phần diện tích đất còn lại đề nghị giao cho bà L được sử dụng, định đoạt, bà L có trách nhiệm trích chia giá trị cho các đồng thừa kế khác bằng tiền mặt theo quy định của pháp luật.

Về phân tài sản xây dựng trên đất: Đối với phần xây dựng trên diện tích đất 61,9 m² do ông Ông Văn L xây dựng và phần tài sản trên diện tích 134 m² đất còn lại là do ông Ông Văn Th và anh em tự bỏ tiền xây cho ông Ông Văn T ở và các bên không có yêu cầu gì đối với tài sản trên đất.

Bị đơn ông Ông Văn H trình bày: Về hàng, diện thừa kế, về di sản là thừa đất mà bố, mẹ ông để lại đúng như bà L đã trình bày ở trên. Khoảng tháng 5 (âm lịch) năm 2019. bà L có đưa giấy cho ông ký về việc phân chia đất nhưng ông không ký. Nay bà L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, ông đồng ý chia thừa kế thành 7 phần, trừ một phần làm nhà thờ, còn lại chia đều cho 06 anh, chị em.

Ông H đề nghị được chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất để ông có điều kiện để tặng cho em trai là ông T để có chỗ ở.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ông Văn Th, ông Ông Văn L, ông T và bà Kim A thống nhất trình bày: Đồng ý với quan điểm của nguyên đơn là bà L.

Căn cứ vào hiện trạng thừa đất, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì thừa đất nêu trên chỉ phân chia bằng hiện vật được bằng 02 thửa (có sơ đồ kèm theo).

Diện tích 61,9 m² hiện đang do ông L quản lý, trên đất ông L đã xây dựng nhà kiên cố để ở, diện tích xây dựng 68,6 m². Phần 134 m² còn lại có nhà cấp 4 diện tích 22 m², nhà do ông Th đứng ra xây dựng, cho ông T ở.

Căn cứ theo biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản ngày 23/10/2019 thì thừa đất là di sản thừa kế có giá trị như sau:

Diện tích 195,9 m² x 15.000.000 đồng/m² = 2.938.500 đồng.

Nếu chia giá trị di sản cho 6 người trong hàng thừa kế thì kỹ phần mỗi suất thừa kế bằng tiền mặt là 2.938.500 đồng/6 = 489.750.000 đồng (*Bốn trăm, tám mươi chín triệu, bảy trăm, năm mươi ngàn đồng*).

Với nội dung trên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 85, Điều 86, Điều 147, Điều 163, Điều 227 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 611, 612, 613, 650 và 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 167,179 Luật đất đai; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. .

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Đ và cụ H.

Giao cho ông L được quyền sử dụng diện tích 61,90m² trong thửa đất số 267, tờ bản đồ số 19 thuộc bộ Bản đồ địa chính xóm NL, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, được giới hạn bởi các điểm từ 1,2,3,6 (có sơ đồ kèm theo, trên đất có nhà do ông L xây dựng. Quyền sử dụng đất 61,9 m² có giá trị 61,9 m² x 15.000.000 đồng/m² = 928.500.000 đồng (chín trăm, hai mươi tám triệu, năm trăm ngàn đồng).

Giao cho bà L được quyền sử dụng đất có diện tích 134 m² trong thửa đất số 267, tờ bản đồ số 19, thuộc bộ Bản đồ địa chính xóm NL, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, được giới hạn bởi các điểm từ 3, 4, 5, 6 (có sơ đồ kèm theo). Quyền sử dụng đất 134 m² có giá trị 134 m² x 15.000.000 đồng/m² = 2.010.000.000 đồng (Hai tỷ, không trăm, mười triệu đồng).

Ông L có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền mặt cho ông Ông Văn Th số tiền 438.750.000 đồng.

Bà L có nghĩa vụ toán toán bằng tiền mặt cho ông Th số tiền 51.000.000 đồng.

Bà L có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền mặt cho ông H số tiền 489.750.000 đồng

Bà L có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền mặt cho ông T số tiền 489.750.000 đồng

Bà Ông thị Kim L có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền mặt cho bà Ông Thị Kim A số tiền 489.750.000 đồng

Giao cho ông Ông Văn T được nhận một suất thừa kế bằng tiền mặt là 489.750.000 đồng. Trong đó ông Ông Văn L giao lại là 438.750.000 đồng và bà Ông Thị Kim L giao lại là 51.000.000 đồng.

Giao cho ông Ông Văn H được nhận một suất thừa kế bằng tiền mặt là 489.750.000 đồng từ bà Ông Thị Kim L.

Giao cho ông Ông Văn T được nhận một suất thừa kế bằng tiền mặt là 489.750.000 đồng từ bà Ông Thị Kim L.

Giao cho bà Ông Thị Kim A được nhận một suất thừa kế bằng tiền mặt là 489.750.000 đồng từ bà Ông Thị Kim L.

Bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, hướng dẫn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/12/2019, ông H làm đơn kháng cáo với nội dung Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không khách quan khi chia di sản thừa kế, trái với ý chí nguyện vọng của mẹ ông; Trái với quy định tại khoản 2, Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông và việc thờ cúng cha mẹ ông. Ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cụ thể:

- Tòa cấp sơ thẩm đã không dành một phần đất hương hỏa để làm nơi thờ cúng cha mẹ ông là ông Đ và bà H;

- Ông H yêu cầu được chia kỹ phần di sản bằng hiện vật, ông không đồng ý lấy giá trị bằng tiền.

- Ông là thương binh 2/4 nhưng bản án sơ thẩm buộc ông phải chịu án phí 23.590.000 đồng là trái với quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Ông H đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

1. Phân chia di sản thừa kế QSD đất thừa 267, có diện tích: 195,9 m² thành 7 phần, dành một phần làm nhà thờ, còn 6 phần, mỗi người thừa kế một phần tương đương 27,98 m².

2. Phần đất hương hỏa để làm nơi thờ cúng cha mẹ ông là quyền sử dụng 27.98 m² sẽ sử dụng làm nơi thờ cúng chung.

3. Kỹ phần thừa kế của ông, ông sẽ lấy bằng hiện vật là 27,98 m² đất.

4. Kỹ phần thừa kế của ông T 27,98m² đất, ông xin nhận sử dụng và trả giá trị cho ông T bằng 419.700.000 đồng. (27,98 m² x 15 triệu đồng/ m² = 419.700.000 đồng). Để ông được sử dụng 2 phần bằng 55,96 m².

5. Miễn án phí cho ông theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Ông Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ông Văn H trình bày Việc ông H yêu cầu được chia thừa kế bằng hiện vật là QSD đất là nguyện vọng chính đáng. Thừa đất số 267 tờ bản đồ số 19 có diện tích 195,9 m². Sau khi giao cho ông Ông Văn L 61,9 m², còn lại 134 m² có thể tách làm hai thừa mà vẫn đảm bảo tiêu chuẩn cấp quyền và sử dụng đất. Vì vậy, ông đề nghị giao cho bà Ông Thị Kim L ½, ông Ông Văn H ½ phần còn lại để ông H thực hiện nguyện vọng xây nhà cho ông Ông Văn T ở.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của tố tụng dân sự. Kháng cáo của ông H làm trong thời hạn luật định, ông H là đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí cho nên Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Kiểm sát viên cho rằng Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn bà L là có căn cứ. Tuy nhiên do ông H đề nghị được chia bằng hiện vật. Căn cứ vào hình thể thửa đất thể hiện trên Giấy chứng nhận QSD đất thì kích thước chiều rộng bóm đường 12,18m, chiều rộng phía sau 12,32m, chiều dài cạnh giáp cạnh thửa 259 là: 16,92m, chiều dài cạnh giáp thửa 342 là: 15,14m. Như vậy về thực tế có thể chia thửa đất thành 3 phần bằng nhau cho các đồng thừa kế. Giao cho ông L 61,90m², còn lại 2 phần giao cho ông H và bà L là hợp lý. Những người thừa kế bằng hiện vật có nghĩa vụ trích chia giá trị bằng tiền cho những người thừa kế khác theo kỹ phần mà mỗi người được hưởng. Bản án sơ thẩm chỉ chia thửa đất làm hai phần trong đó giao cho bà L diện tích 134m² trong khi ông H cũng có nguyện vọng được chia bằng hiện vật là chưa phù hợp.

Ngoài ra ông H kháng cáo yêu cầu trích chia 1 phần đất để làm nơi thờ cúng trong khi các đồng thừa kế khác không đồng ý. Chế định phân chia di sản thừa kế theo pháp luật của bộ luật Dân sự không có quy định về việc phải trích chia đất làm nơi thờ cúng nên không có cơ sở chấp nhận nội dung này của ông H.

Ngoài ra kiểm sát viên còn xác định bản án sơ thẩm có một số sai sót như: giao đất cho các bên không xác định hạn mức đất ở và đất vườn. Thực tế thửa đất số 267, có diện tích 195,90m² (Trong đó có 150m² đất ở và 45,90m² đất vườn). Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành định giá, xem xét thẩm định tại chỗ có thu phí nhưng không quyết định về nghĩa vụ chịu chi phí định giá, thẩm định tại chỗ là thiếu sót. Từ những đánh giá như trên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2, điều 308, điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của ông H làm trong thời hạn luật định, đúng hình thức và nội dung, đơn kháng cáo là hợp lệ; Ông H là Thương binh hạng 2/4 được miễn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, vì vậy Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông H hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông H yêu cầu phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật là QSD đất thành 7 phần, mỗi người trong hàng thừa kế một phần, còn một phần coi là đất hương hỏa để làm nơi thờ cúng. Xét thấy, bố mẹ ông H để lại di sản không có di chúc, vì vậy không có cơ sở xác định có di sản dùng vào việc thờ cúng. Việc ông H yêu cầu để 1/7 thửa đất thừa kế để làm nhà thờ nhưng không được sự đồng ý của các đồng thừa kế khác. Tại phiên tòa sơ thẩm ông H không đưa ra yêu cầu này. Trong cả quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm không có ai trong các đồng thừa kế có ý kiến hay đồng ý với yêu cầu của ông H, như vậy, căn cứ Điều 610, 645 Bộ luật dân sự không có cơ sở chấp nhận kháng cáo này của ông H.

Thửa đất là di sản thừa kế có diện tích 195,9 m², nếu chia cho 6 người mỗi suất thừa kế sẽ là 32,65 m². Trước đây các đồng thừa kế đều đã đồng ý cho ông L làm nhà và sử dụng diện tích đất này từ trước. Ông L đã xây dựng nhà cửa kiên cố trên diện tích 61,9 m². Ngoài ông H ra thì các đồng thừa kế khác gồm bà L, ông Th, ông L, ông T và bà Kim A đều thống nhất giao ông L sử dụng diện tích đất 61,9 m² và ông L trả giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế khác. Việc giao diện tích 61,9 m² đất, toàn bộ là đất ở cho ông L là hợp tình, hợp lý, vừa đảm bảo quyền lợi của Ông L, phù hợp nguyện vọng đa số người trong hàng thừa kế, tránh thiệt hại khi phải tháo dỡ ngôi nhà kiên cố hai tầng mà ông L đã xây dựng.

Đôi yêu cầu của ông H được nhận kỷ phần di sản của ông và của ông T bằng hiện vật (đất), ông H sẽ trả cho ông T giá trị bằng tiền. Trên cơ sở yêu cầu của ông H, ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích của ông H ông Trần Văn L và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đều muốn chia thửa đất làm 3 phần và giao cho 3 người trong hàng thừa kế có nguyện vọng được sử dụng hiện vật. Tuy nhiên Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án như biên bản lấy lời khai, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm, ông T đều đề nghị giao phần di sản ông được hưởng cho bà L, ông T không đồng ý giao cho ông H. Trong các đồng thừa kế (trừ ông Ông Văn H) thì 5 người còn lại đều nhất trí giao phần diện tích đất 134 m² còn lại cho bà L và bà L có trách nhiệm trích lại bằng tiền cho các đồng thừa kế khác. Việc chia nhỏ thửa đất thừa kế vừa ảnh hưởng đến việc sử dụng và làm giảm giá trị của thửa đất. Mặt khác, cần tôn trọng nguyện vọng của những người trong hàng thừa kế. Như vậy, nội dung kháng cáo của ông H đề nghị được nhận phần di sản bằng hiện vật của ông T là không có căn cứ để chấp nhận. Bản án sơ thẩm đã

giao 134 m² trong đó có 49,90 m² đất vườn cho bà L sử dụng, bà L có trách nhiệm trích chia giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế khác theo kỹ phần là hợp tình, hợp lý.

Đối với kháng cáo của ông H về án phí, bản án sơ thẩm buộc ông phải nộp 23.590.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong khi ông là thương binh, ông phải được miễn án phí. Về nội dung này cấp phúc thẩm xác định ông H là Thương binh 2/4 (có thẻ thương binh) cấp sơ thẩm buộc ông phải chịu án phí là có thiếu sót. Do đó, chấp nhận miễn tiền án phí dân sự cho ông H.

Bản án sơ thẩm đã không xem xét, quyết định về việc ai là người phải chịu chi phí định giá và thẩm định tại chỗ. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L xác định bà là người đã nộp chi phí định giá và thẩm định tại chỗ, bà L chấp nhận chịu các chi phí này và không có ý kiến gì nữa. Bản án sơ thẩm khi giao quyền sử dụng đất cho ông L, bà L đã không xác định rõ mục đích sử dụng đất ở hay đất vườn cho từng người là có thiếu sót. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về những thiếu sót này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự,
Chấp nhận một phần kháng cáo của ông H, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 5 điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 85, Điều 86, Điều 147, Điều 163, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 611, 612, 613, 650, 651 Bộ luật Dân sự; Điều 167, 179 Luật đất đai; điểm đ khoản 1 khoản 2 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Giao cho ông Ông Văn L được quyền sử dụng diện tích 61,90 m² đất ở tại thửa đất số 267, tờ bản đồ số 19, thuộc bộ Bản đồ địa chính xóm NL, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, được giới hạn bởi các điểm từ 1,2,3,6 (có sơ đồ kèm theo, trên đất có nhà do ông Ông Văn L xây dựng). Quyền sử dụng đất 61,9 m² có trị giá 61,9 m² x 15.000.000 đồng/m² = 928.500.000 đồng (*Chín trăm, hai mươi tám triệu, năm trăm ngàn đồng*).

- Giao cho bà L được quyền sử dụng diện tích 134 m² đất (Trong đó có 45,90m² đất vườn) tại thửa đất số 267, tờ bản đồ số 19, thuộc bộ Bản đồ địa chính xóm NL, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, được giới hạn bởi các điểm từ 3,4,5,6 (có sơ đồ kèm theo). Quyền sử dụng đất 134 m² có trị giá 134 m² x 15.000.000 đồng/m² = 2.010.000.000 đồng (*Hai tỷ, không trăm, mười triệu đồng*).

- Ông Ông Văn L và bà Ông Thị Kim L phải trích chia giá trị kỹ phần thừa kế cho những người trong hàng thừa kế khác như sau:

+ Ông Ông Văn L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ông Văn Th số tiền 438.750.000 đồng.

+ Bà Ông Thị Kim L có nghĩa vụ toán toán cho ông Ông Văn Th số tiền 51.000.000 đồng.

+ Bà Ông Thị Kim L có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền mặt cho ông Ông Văn H số tiền 489.750.000 đồng.

+ Bà Ông thị Kim L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ông Văn T số tiền 489.750.000 đồng.

+ Bà Ông Thị Kim L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ông Thị Kim A số tiền 489.750.000 đồng.

Ông Ông Văn Th được nhận một suất thừa kế bằng tiền mặt là 489.750.000 đồng (Trong đó ông Ông Văn L giao lại là 438.750.000 đồng và bà Ông Thị Kim L giao lại là 51.000.000 đồng).

Ông Ông Văn H được nhận một suất thừa kế bằng tiền mặt là 489.750.000 đồng từ bà Ông Thị Kim L.

Ông Ông Văn T được nhận một suất thừa kế bằng tiền mặt là 489.750.000 đồng từ bà Ông Thị Kim L.

Bà Ông Thị Kim A được nhận một suất thừa kế bằng tiền mặt là 489.750.000 đồng từ bà Ông Thị Kim L.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ông Thị Kim L là người cao tuổi, ông Ông Văn H là thương binh, căn cứ theo điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/NQUBTVQH 14, bà L, ông H được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Buộc ông Ông Văn Th, ông Ông Văn L, ông Ông Văn T, bà Ông Thị Kim A mỗi người phải chịu 23.590.000 đồng (hai mươi ba triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ông Văn H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của BLDS năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An
- TAND Thành phố V;
- Chi Cục THADS TP V;
- Các đương sự;
- Người Đại diện của ĐS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Ngô Sỹ Tiến